

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

**Chuyên ngành đào tạo: Chăn nuôi**

**Mã số: 60 62 01 05**

**Loại hình đào tạo: Chính quy**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 430 /QĐ-ĐHHV ngày 29/3/2017  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương)*

### PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo : Chăn nuôi (Animal Science)
- Mã số chuyên ngành đào tạo : 60 62 01 05
- Trình độ đào tạo : Thạc sĩ.
- Số tín chỉ : 60
- Loại chương trình đào tạo : Định hướng nghiên cứu
- Đơn vị đào tạo : Trường Đại học Hùng Vương
- Thời gian đào tạo : 2 năm

#### 2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

##### 2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành chăn nuôi cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về ngành và phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu khoa học để phát hiện, lý giải và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực chăn nuôi.

##### 2.2. Mục tiêu cụ thể

Hoàn thành chương trình đào tạo này học viên sẽ:

- Có kiến thức lý thuyết sâu về lĩnh vực chăn nuôi.
- Có khả năng phát hiện và vận dụng sáng tạo kiến thức để giải quyết những vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực chăn nuôi.
- Biết cách khai thác tài liệu, tổng hợp, mở rộng kiến thức chuyên môn, phát triển năng lực nghề nghiệp.
- Có năng lực nghiên cứu khoa học, bước đầu hình thành những ý tưởng, đề xuất, thử nghiệm và triển khai nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực chăn nuôi cũng như liên ngành.
- Có kỹ năng giao tiếp tốt, biết cách viết và trình bày báo cáo khoa học.
- Biết cách tổ chức và quản lý công việc chuyên môn.
- Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.
- Có ý thức trách nhiệm với cộng đồng và đạo đức nghề nghiệp tốt.

#### 3. Thông tin tuyển sinh

##### 3.1. Hình thức tuyển sinh: Thi tuyển

Các môn thi tuyển sinh gồm 3 môn thi:

1. Môn ngoại ngữ: Tiếng anh
2. Môn cơ sở: Sinh lý động vật
3. Môn chuyên ngành: Chăn nuôi lợn

### **3.2. Điều kiện dự thi**

**Về văn bằng:** Người dự thi cần có một trong các văn bằng sau:

Tốt nghiệp đại học ngành Chăn nuôi, Chăn nuôi - thú y và các nhóm ngành gần theo quy định của Bộ giáo dục và đào tạo.

Các đối tượng tốt nghiệp các ngành gần cần phải học chuyển đổi sẽ thay đổi cho phù hợp với quy chế của Bộ Giáo dục và đào tạo.

**Về thâm niên công tác:** Người có bằng tốt nghiệp được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học.

**Về sức khỏe:** Có đủ sức khoẻ để học tập.

**Về lý lịch bản thân:** Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

**Về thủ tục:** Nộp hồ sơ đúng hạn và đầy đủ theo Quy định của Hiệu trưởng Trường Đại học Hùng Vương.

## **4. Hình thức và thời gian đào tạo**

4.1. Hình thức đào tạo: Chính quy

4.2. Thời gian đào tạo: 2 năm

## **5. Điều kiện tốt nghiệp**

Học viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành kèm theo thông tư 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014.

## **PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Về kiến thức**

- Học viên vận dụng được khối kiến thức chung để phân tích, giải thích những vấn đề thực tiễn xã hội đặt ra cho ngành Chăn nuôi.

- Sử dụng tốt kiến thức chuyên ngành để xây dựng chiến lược, chương trình, dự án, kế hoạch và đề xuất các giải pháp có tính thực tiễn, hiệu quả cho các nghiên cứu và tổ chức sản xuất ngành Chăn nuôi; thiết kế các mô hình chăn nuôi phù hợp với từng vùng sinh thái khác nhau.

- Phân tích, quản lý, xây dựng và tổ chức thực hiện được các quy trình công nghệ chăn nuôi gia súc, gia cầm đạt chất lượng cao...

### **2. Về kỹ năng**

- Có kỹ năng tổng hợp, mở rộng kiến thức chuyên môn, phát triển kỹ năng nghề nghiệp; khai thác tốt các nguồn tài liệu.

- Thành thạo nguyên tắc cơ bản trong nghiên cứu, ứng dụng và triển khai các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất; có khả năng tự tìm tòi và độc lập trong nghiên cứu.

- Lập kế hoạch, phân tích, quản lý, tổ chức điều hành sản xuất, kinh doanh tốt. Tổng hợp, phân tích, giải quyết những vấn đề mới nảy sinh đến hoạt động sản xuất của ngành.

- Xây dựng, đánh giá, phân biện các dự án nông nghiệp, các kết quả nghiên cứu của các tổ chức, cá nhân khác liên quan đến chuyên ngành.

- Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

### **3. Về thái độ**

Thành thạo kỹ năng nghề nghiệp trong thực tế, có khả năng giải quyết, lãnh đạo và vận dụng những kiến thức học được vào thực tế sản xuất, hướng dẫn - chỉ đạo tốt các kỹ năng chuyên môn ở địa phương, ở các trường, trung tâm, trang trại, viện nghiên cứu, các công ty hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi thú y...

- Trình độ tiếng Anh đạt tối thiểu B1 khung tham chiếu Châu Âu hoặc tương đương.

- Thao tác tốt tin học văn phòng, tin học ứng dụng, sử dụng thành thạo Internet trong cập nhật và xử lý thông tin.

- Áp dụng các phương pháp tiếp cận nông thôn, làm việc nhóm, làm việc độc lập, tổng hợp vấn đề và viết báo cáo.

### **4. Về phẩm chất đạo đức**

- Phẩm chất đạo đức tốt, tác phong mẫu mực; lối sống lành mạnh, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.

- Có tinh thần yêu nước, yêu ngành, yêu nghề, đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.

- Tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, trung thực trong nghiên cứu khoa học.

- Tích cực, chủ động và sáng tạo trong công việc, trong nghiên cứu khoa học.

- Tự tin, có ý thức học tập không ngừng nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn.

### PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Cấu trúc chương trình đào tạo

a) Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 60 tín chỉ

b) Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo:

- *Khối kiến thức chung: 06 tín chỉ*

- *Khối kiến thức cơ sở: 21 tín chỉ*

+ Bắt buộc: 13 tín chỉ

+ Tự chọn: 8 tín chỉ

- *Khối kiến thức chuyên ngành: 18*

+ Bắt buộc: 10 tín chỉ

+ Tự chọn: 8 tín chỉ

- *Luận văn tốt nghiệp: 15 tín chỉ*

#### 2. Nội dung chương trình

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ		Tự học, tự nghiên cứu	Điều kiện tiên quyết
				LT	BT, TL, TH		
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>6</b>				
1	LC1327	Triết học	3	2	1	90	
2	NN1322	Tiếng Anh	3	2	1	90	
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở</b>		<b>21</b>				
<b>II.1</b>	<b>Bắt buộc</b>		<b>13</b>				
3	AS2201	Hóa sinh động vật nâng cao	2	1,5	0,5	60	
4	AS2302	Sinh lý động vật nâng cao	3	2	1	90	
5	AS2203	Chọn lọc và nhân giống vật nuôi nâng cao	2	1,5	0,5	60	
6	AS2204	Dinh dưỡng động vật nâng cao	2	1,5	0,5	60	
7	AS2205	Phương pháp nghiên cứu trong chăn nuôi	2	1,5	0,5	60	
8	AS2206	Vi sinh vật ứng dụng trong chăn nuôi	2	1,5	0,5	60	
<b>II.2</b>	<b>Tự chọn (chọn 4 trong 6 học phần)</b>		<b>8</b>				
9	AS2207	Sinh lý sinh sản nâng cao	2	1,5	0,5	60	
10	AS2208	Di truyền phân tử ứng dụng	2	1,5	0,5	60	
11	AS2209	Quản lý giống vật nuôi	2	1,5	0,5	60	
12	AS2210	Công nghệ thức ăn chăn nuôi	2	1,5	0,5	60	
13	AS2211	Di truyền số lượng ứng dụng trong chăn nuôi	2	1,5	0,5	60	
14	AS2212	Thức ăn bổ sung và phụ gia	2	1,5	0,5	60	
<b>III</b>	<b>Phần kiến thức chuyên ngành</b>		<b>18</b>				
<b>III.1</b>	<b>Bắt buộc</b>		<b>10</b>				
15	AS2213	Những tiến bộ mới trong chăn nuôi trâu bò	2	1,5	0,5	60	
16	AS2214	Những tiến bộ mới trong chăn nuôi	2	1,5	0,5	60	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ		Tự học, tự nghiên cứu	Điều kiện tiên quyết
				LT	BT, TL, TH		
		gia cầm					
17	AS2215	Những tiến bộ mới trong chăn nuôi lợn	2	1,5	0,5	60	
18	AS2216	Truyền nhiễm và quản lý dịch bệnh	2	1,5	0,5	60	
19	AS2217	Seminar về chăn nuôi chuyên khoa	2	1	1	60	
<b>III.2</b>	<b>Tự chọn (chọn 4 trong 7 học phần)</b>		<b>8</b>				
20	AS2218	Đánh giá và quản lý chất lượng thức ăn	2	1,5	0,5	60	
21	AS2219	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	1,5	0,5	60	
22	AS2220	Hệ thống chăn nuôi	2	1,5	0,5	60	
23	AS2221	Đánh giá chất lượng sản phẩm chăn nuôi	2	1,5	0,5	60	
24	AS2222	Những tiến bộ mới trong chăn nuôi dê thỏ	2	1,5	0,5	60	
25	AS2223	Độc chất trong thức ăn và bệnh dinh dưỡng	2	1,5	0,5	60	
26	AS2224	Chuồng trại và quản lý chất thải chăn nuôi	2	1,5	0,5	60	
<b>IV</b>	<b>Luận văn tốt nghiệp</b>		<b>15</b>				
27	AS2925	Luận văn tốt nghiệp	15				
<b>Cộng</b>			<b>60</b>				